

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠCH THÀNH
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2022/HS-ST

Ngày: 22 - 02 - 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH, TỈNH THANH HÓA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Cúc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Văn Thuận

2. Bà Lưu Thị Dung

Thư ký phiên toà: Ông Trần Văn Hùng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên toà: Ông Đoàn Văn Tuyên - Kiểm sát viên.

Ngày 22/02/2022 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 04/2022/HSST ngày 14 tháng 01 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2022/QĐXXST-HS, ngày 08/02/2022 đối với các bị cáo:

1. Phạm Thanh S; sinh ngày: 05/10/1970; tại: Xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: Thôn 1, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phạm Duy L (đã chết); con bà: Bùi Thị H; Có vợ là Trần Thị X và 02 con, con lớn sinh năm 1995 tuổi, nhỏ sinh năm 1998 tuổi; tiền sự: Không; tiền án: Không; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/11/2021 đến ngày 13/12/2021, sau đó được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay; Có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Đình T; sinh ngày: 09/5/1973; tại: Xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: Thôn G, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Đình L (đã chết); con bà: Mai Thị L; có vợ là Lê Thị H và có 02 con, con lớn sinh năm 1998, nhỏ sinh năm 2000; tiền sự: Không; tiền án: 01 tiền án (Ngày 13/4/2021, bị TAND huyện Thạch Thành xử phạt 06 tháng tù, cho hưởng án treo về tội Đánh bạc); Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/11/2021 đến ngày 13/12/2021, sau đó áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay; Có mặt tại phiên tòa.

3. Đỗ Văn L; sinh ngày: 02/02/1976; tại: Xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: Thôn 1, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Đỗ Văn C (đã chết); con bà: Nguyễn Thị K; Có vợ là Chu Thị Đ và 03 con, con lớn sinh năm 1988, nhỏ sinh năm 2005; tiền sự: Không; tiền án: Không; Bị cáo bị tạm giữ

từ ngày 09/11/2021 đến ngày 12/11/2021, sau đó được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay; Có mặt tại phiên tòa.

4. Lê Văn V; sinh ngày: 06/10/1972; tại: Xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: Thôn 2, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lê Văn T (đã chết); con bà: Lê Thị N (đã chết); Có vợ là Trần Thị H và 02 con, lớn sinh năm 1992, con nhỏ sinh năm 1994; tiền sự: Không; tiền án: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 09/11/2021 đến ngày 12/11/2021, sau đó được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay; Có mặt tại phiên tòa.

5. Nguyễn Cao C; sinh ngày: 22/8/1984; tại: xã V, huyện V, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: Thôn T, xã V, huyện V, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Công V, con bà: Lê Thị T; Có vợ là Chu Thị M và có 02 con, lớn sinh năm 2008, nhỏ sinh năm 2013; tiền sự: Không; tiền án: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 09/11/2021 đến ngày 12/11/2021, sau đó được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay; Có mặt tại phiên tòa.

6. Phạm Duy P; sinh ngày: 30/11/1977; tại: Xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: Khu phố 2, thị trấn K, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phạm Xuân P, con bà: Ngô Thị H; có 04 con, lớn nhất sinh năm 1997, nhỏ nhất sinh năm 2011; tiền sự: Không; tiền án: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 09/11/2021 đến ngày 12/11/2021, sau đó được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay; Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ ngày 09/11/2021, Phạm Thanh S và Lê Văn V cùng nhau đi ăn sáng, sau đó về nhà Sơn uống nước. Đến khoảng 10 giờ 00 phút cùng ngày, S dùng điện thoại di động của mình gọi điện cho Nguyễn Đình T và Đỗ Văn L đến nhà uống nước, T và L đồng ý. Tại đây S, V, T và L cùng thống nhất đánh bài được thua bằng tiền dưới hình thức “ba cây cầm chương”, S lấy bộ bài tứ lơ khơ 52 cây có sẵn ở nhà mình đưa cho T, L, V chơi trước, còn mình sẽ vào chơi sau. Khoảng 12 giờ 00 phút cùng ngày, các đối tượng bắt đầu đánh bạc được thua bằng tiền tại gian phòng ngủ trên tầng 2 của nhà S, một lúc sau S lên phòng và vào chơi cùng. Quá trình tham gia đánh bạc cùng các đối tượng, S gọi điện thoại cho Nguyễn Cao C mang đến cho mình một nồi lẩu để mọi người ăn uống. Đến 14 giờ 00 phút cùng ngày, khi mang lẩu đến cho S, nhìn thấy các đối tượng đang đánh bài được thua bằng tiền thì C ngồi xuống và tham gia chơi cùng. Đến 15 giờ 30 phút cùng ngày, Phạm Duy P đến và cũng tham gia chơi cùng các đối tượng.

Về cách thức chơi, tính thắng thua và mức được thua bằng tiền: Các đối tượng thống nhất sử dụng 36 lá bài trong bộ bài tứ lơ khơ có số thứ tự từ A (quy ước là 1) đến

9 để chơi dưới hình thức 3 cây cầm Chương. Mỗi ván, người chơi sẽ được chia 03 lá bài, sau đó người chơi sẽ cộng điểm các lá bài và lấy số điểm ở hàng đơn vị trong tổng số điểm của 03 lá bài của mình để tính thắng thua với nhau, thấp nhất là 01 điểm và cao nhất là 10 điểm. Trường hợp có nhiều người chơi có số điểm cao bằng nhau thì sẽ xét chất của lá bài theo thứ tự rô, cơ, tép, bích, người thắng sẽ là người có chất hoặc có số điểm của chất đó cao hơn người còn lại. Mức cược mỗi ván của mỗi người chơi từ 100.000đ (một trăm nghìn đồng) đến 200.000đ (hai trăm nghìn đồng), người chơi sẽ so điểm của mình với người cầm chương để xác định thắng thua, nếu người chơi có số điểm cao hơn số điểm của người cầm chương thì sẽ được cầm về số tiền mình đã đặt cược và được nhận từ người cầm chương số tiền bằng số tiền mình đã đặt cược, nếu người cầm chương có điểm số cao hơn người chơi thì ngược lại. Nếu trong ván bài có người chơi được 10 điểm cao hơn người cầm chương thì sẽ được nhận gấp đôi số tiền đã cược từ người cầm chương, người này cũng sẽ là người cầm chương của ván bài mới và người này phải đưa cho Sơn số tiền hồ 100.000đ (một trăm nghìn đồng), nếu người cầm chương được 10 điểm cao nhất thì sẽ nhận được gấp đôi số tiền mà người chơi đã đặt cược. Quá trình tham gia đánh bạc, S đã được các đối tượng còn lại đưa số tiền hồ khoảng 800.000đ (tám trăm nghìn đồng) đến 900.000đ (chín trăm nghìn đồng), toàn bộ số tiền này đã được S sử dụng vào việc đánh bạc cùng các đối tượng nêu trên.

Các đối tượng đánh bạc liên tục đến 15 giờ 50 phút cùng ngày thì bị Tổ công tác của Công an huyện Thạch Thành phát hiện, bắt quả tang. Tại chỗ, tổ công tác thu giữ 23 lá bài tú lơ khơ, tổng số tiền các đối tượng sử dụng vào việc đánh bạc với nhau 23.110.000đ (hai mươi ba triệu một trăm mười nghìn đồng), trong đó, thu giữ tại vị trí các đối tượng đánh bạc số tiền 4.320.000đ (bốn triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng) và số tiền 18.790.000đ (mười tám triệu bảy trăm chín mươi nghìn đồng) trong người các đối tượng. Tổ công tác đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, niêm phong số tiền trên theo quy định.

Tại cơ quan điều tra, các bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được trong hồ sơ vụ án. Tổng số tiền các bị cáo sử dụng đánh bạc được xác định là 23.110.000 đồng.

Quá trình điều tra xác định, Phạm Thanh S là chủ nhà, đã đồng ý cho các đối tượng trên đánh bạc tại nhà ở của mình và thu tiền chiếu, số tiền dùng đánh bạc trong cùng 01 lần trị giá 23.110.000 đồng nên S còn phải chịu trách nhiệm hình sự về tội Gá bạc quy định tại khoản 1 Điều 322 của Bộ luật Hình sự.

Về vật chứng vụ án: Thông qua bắt quả tang, khám xét khẩn cấp và các bị cáo tự nguyện giao nộp, Cơ quan điều tra đã thu giữ số tiền 23.110.000đ (hai mươi ba triệu một trăm mười nghìn đồng) các bị can sử dụng vào việc đánh bạc và 23 lá bài tú lơ khơ, hiện đang được bảo quản, chờ xử lý tại kho vật chứng của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thạch Thành.

Đối với chiếc điện thoại Iphone 7 màu vàng, gắn sim điện thoại có số 0946.918.789 của Phạm Thanh S đã dùng để gọi điện cho Nguyễn Đình T và Đỗ Văn

L. Khi bị phát hiện, S đã vút xuống khu vực ao phía sau nhà, Cơ quan CSĐT Công an huyện Thạch Thành đã truy tìm nhưng không xác định được.

Tại bản cáo trạng số 07/CTr - VKS TT, ngày 12/01/2022, VKSND huyện Thạch Thành đã truy tố bị cáo Phạm Thanh S về tội Đánh bạc theo quy định tại khoản 1 Điều 321 BLHS và tội Gá bạc theo quy định tại điểm c, khoản 1 Điều 322 BLHS. Truy tố các bị cáo Nguyễn Đình T, Đỗ Văn L, Lê Văn V, Nguyễn Cao C và Phạm Duy P về tội Đánh bạc theo quy định tại khoản 1 Điều 321 BLHS.

Tại phiên Tòa đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 321; điểm c, khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58; Điều 55 BLHS xử phạt Phạm Thanh S từ 12 đến 15 tháng tù về tội Gá bạc; 08 đến 10 tháng tù về tội Đánh bạc. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt với cả hai tội từ 20 đến 25 tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày đi thi hành án. Thời gian tạm giữ, tạm giam được trừ vào thời gian chấp hành án.

- Áp dụng: Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s, t khoản 1, Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 17; Điều 58; Điều 56 BLHS xử phạt Nguyễn Đình T từ 10 đến 12 tháng tù. Tổng hợp hình phạt của bản án trước mà bị cáo đang chấp hành là 06 tháng tù cho hưởng án treo, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt của cả 2 bản án. Thời gian chấp hành án tính từ ngày đi thi hành án. Thời gian tạm giữ, tạm giam được trừ vào thời gian chấp hành án.

- Áp dụng: Khoản 1 điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 BLHS xử phạt bị cáo Lê Văn V từ 08 đến 10 tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 16 tháng đến 20 tháng.

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 BLHS xử phạt bị cáo Đỗ Văn L từ 07 đến 09 tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 14 tháng đến 18 tháng.

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 36 BLHS, xử phạt Nguyễn Cao C từ 14 đến 17 tháng cải tạo không giam giữ.

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 321, điểm i, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 36 BLHS xử phạt bị cáo Phạm Duy P từ 12 đến 15 tháng cải tạo không giam giữ.

Về vật chứng vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng điều 47 BLHS, điều 106 BLTTHS tuyên tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 23.110.000 đồng; tịch thu tiêu hủy 23 lá bài Tú lơ khơ từ lá A (át) đến lá 9.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung

Tại phần tranh tụng các bị cáo đều thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và không có ý kiến tranh luận gì. Trong lời nói sau cùng, các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt và cho các bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của điều tra viên Cơ quan điều tra công an huyện Thạch Thành và kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự và thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội: Tại phiên tòa các bị cáo đều đã nhận tội như nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra; phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, hiện trường vụ án, vật chứng và những tài liệu, chứng cứ khác thu thập được có trong hồ sơ vụ án. HĐXX có đủ cơ sở kết luận: Hành vi đánh bạc dưới hình thức “Ba cây cầm chương”, được thua với nhau bằng tiền, tại phòng ngủ của gia đình bị cáo Phạm Thanh S vào ngày 09/11/2021 của các bị cáo đã phạm vào tội “*Đánh bạc*”. Tổng số tiền các bị cáo sử dụng đánh bạc được xác định là 23.110.000 đồng. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 điều 321 Bộ luật hình sự.

[3]. Ngoài ra, bị cáo Phạm Thanh S đã sử dụng nhà ở của mình để bản thân cùng với các bị cáo khác đánh bạc, đã nhận tiền hồ từ các bị cáo khác và tổng số tiền dùng để đánh bạc của các bị cáo trong cùng một lần trị giá 23.110.000 đồng, do đó hành vi của bị cáo Phạm Thanh S còn phải chịu trách nhiệm hình sự về tội “*Gà bạc*”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 322 Bộ luật hình sự.

Vì vậy, cáo trạng của VKSND huyện Thạch Thành truy tố các bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4]. Về trách nhiệm hình sự: Trong vụ án này, đối với hành vi Đánh bạc, Phạm Thanh S là người chuẩn bị công cụ và trực tiếp tham gia đánh bạc cùng các đối tượng khác, tuy nhiên S tham gia đánh bạc sau L, V và T nên Phạm Thanh S, Nguyễn Đình T, Đỗ Văn L, Lê Văn V có cùng vai trò thứ thất; Nguyễn Cao C đến sau nên có vai trò thứ hai, và cuối cùng là Phạm Duy P tham gia đánh bạc sau cùng.

[5]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[5.1]. Bị cáo Phạm Thanh S, Lê Văn V, Đỗ Văn L, Nguyễn Cao C và Phạm Duy P phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Riêng bị cáo Nguyễn Đình T có một tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “*Tái phạm*” quy định tại điểm h, khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[5.2]. Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS.

- Bị cáo Phạm Thanh S, Đỗ Văn L có bố là người có công với nước, Phạm Duy P có mẹ là người có công với nước nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.

- Các bị cáo Đỗ Văn L, Nguyễn Cao C, Lê Văn V và Phạm Duy P được hưởng tình tiết giảm nhẹ là Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng quy định tại điểm i, khoản 1 Điều 51 BLHS.

- Ngoài ra, bị cáo Nguyễn Duy P và bị cáo Nguyễn Đình T trong thời gian tại ngoại đã tích cực hợp tác với cơ quan Công an phát hiện tội phạm nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 BLHS; Bị cáo Phạm Duy P tham gia phong trào ủng hộ Quỹ phòng chống dịch bệnh Covid – 19 nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.

[6]. Về tính chất của vụ án: Đây là vụ án hình sự ít nghiêm trọng do bị cáo Phạm Thanh S cùng đồng phạm thực hiện. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, làm mất an ninh trật tự xã hội, xâm phạm đến nếp sống văn minh của xã hội, ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an và an toàn xã hội tại địa phương. Là nguyên nhân làm phát sinh các loại tội phạm đồng thời làm gia tăng các tệ nạn xã hội khác.

[7]. Bị cáo Phạm Thanh S phạm hai tội. Do đó, cần xét xử bị cáo một mức án tương xứng với tính chất hành vi phạm tội và cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhằm răn đe, giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[8]. Bị cáo Nguyễn Đình T có 01 tiền án về tội Đánh bạc, không lấy đó làm bài học để tu dưỡng bản thân mà lại tiếp tục phạm tội, thể hiện thái độ coi thường pháp luật. Do đó, cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để bị cáo có cơ hội sửa chữa lỗi lầm. Bị cáo phạm tội trong thời gian thử thách của án treo vì vậy cần áp dụng khoản 5 Điều 65 và Điều 56 BLHS buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của cả 2 bản án.

[9]. Bị cáo Đỗ Văn L có 03 tình tiết giảm nhẹ, Lê Văn V có 02 tình tiết giảm nhẹ, các bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng nên không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho các bị cáo được hưởng án treo theo quy định tại điều 65 BLHS và giao các bị cáo cho chính quyền địa phương giám sát, giáo dục cũng đủ điều kiện giáo dục các bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội và thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật.

[10]. Các bị cáo Nguyễn Cao C và Phạm Duy P tham gia đánh bạc sau, bị cáo C có 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 BLHS; bị cáo P có 03 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51, 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS, các bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, nghĩ cần áp dụng Điều 36 BLHS để áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với các bị cáo cũng đủ sức răn đe, giáo dục đối với các bị cáo. Các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định và không có tài sản, nghĩ không khấu trừ thu nhập của bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ là phù hợp.

[11]. Về xử lý vật chứng: Đối với số tiền 23.110.000 đồng các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước; 23 lá bài Tú lơ khơ là công cụ phạm tội không có giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

[12]. Về áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền: Kết quả xác minh về tài sản, thu nhập, xác định hiện tại các bị cáo không có tài sản có giá trị, không có thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt tiền bổ sung đối với các bị cáo là phù hợp.

[13]. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Phạm Thanh S phạm tội “Đánh bạc” và “Gá bạc”. Các bị cáo Nguyễn Đình T, Đỗ Văn L, Lê Văn V, Nguyễn Cao C và Phạm Duy P phạm tội: “Đánh bạc”.

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 321; điểm c, khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 BLHS. Xử phạt Phạm Thanh S 12 (Mười hai) tháng tù về tội “Gá bạc”; 08 (Tám) tháng tù về tội “Đánh bạc”.

Tổng hợp hình phạt: áp dụng điều 55; Điều 38 BLHS buộc Phạm Thanh S phải chịu hình phạt chung cho cả hai tội là 20 (Hai mươi) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày bị bắt đi thi hành án trừ 35 (Ba mươi lăm) ngày do đã bị tạm giữ, tạm giam từ trước.

- Áp dụng: Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 17; Điều 58; khoản 5 Điều 65; khoản 2 Điều 56 BLHS. Xử phạt Nguyễn Đình T 10 (Mười) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Tổng hợp hình phạt của bản án số 15/2021/HSST, ngày 13/4/2021 là 06 (Sáu) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của cả 2 bản án là 16 (Mười sáu) tháng tù. Thời gian chấp hành án tính từ ngày bắt đi thi hành án. Bị cáo được trừ 38 (Ba mươi tám) ngày đã bị tạm giữ, tạm giam của cả hai bản án (35 (Ba mươi lăm) ngày do đã tạm giữ, tạm giam của bản án này và 03 (Ba) ngày tạm giữ của bản án số 15/2021/HSST, ngày 13/4/2021).

- Áp dụng: Khoản 1 điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 BLHS. Xử phạt Lê Văn V 08 (Tám) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 16 (Mười sáu) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 BLHS. Xử phạt Đỗ Văn L 07 (Bảy) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 14 (Mười bốn) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo Đỗ Văn L, Lê Văn V cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Điều 68, Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 BLHS.

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 36 BLHS. Xử phạt bị cáo Nguyễn Cao C 14 (Mười bốn) tháng cải tạo không giam giữ. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày cơ quan, đơn vị được giao giám sát, giáo dục nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án, được trừ 09 (Chín) ngày do quy đổi từ 03 (Ba) ngày bị tạm giữ từ trước.

Giao bị cáo Nguyễn Cao C cho UBND xã V, huyện V, tỉnh Thanh Hóa giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 321, điểm i, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 36 BLHS. Xử phạt bị cáo Phạm Duy P 12 (Mười hai) tháng cải tạo không giam giữ. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày cơ quan, đơn vị được giao giám sát, giáo dục nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án, được trừ 09 (Chín) ngày do quy đổi từ 03 (Ba) ngày bị tạm giữ từ trước.

Giao bị cáo Phạm Duy P cho UBND thị trấn K, huyện T, tỉnh Thanh Hóa giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, b khoản 1 điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2, điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu nộp Ngân sách nhà nước số tiền 23.110.000 đồng (Hai mươi ba triệu một trăm mười nghìn đồng). Tịch thu tiêu hủy: 23 lá bài Tú lơ khơ từ A (át) đến 9 (chín). Theo biên bản giao nhận vật chứng tài sản giữa cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Thạch Thành và chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch Thành ngày 20/01/2022.

Về án phí: Áp dụng Khoản 2 điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 điều 6, điểm a khoản 1 điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Phạm Thanh S, Nguyễn Đình T, Lê Văn V, Đỗ Văn L, Nguyễn Cao C, Phạm Duy P mỗi người phải chịu 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai sơ thẩm có mặt các bị cáo. Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 7a và điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các bị cáo;
- VKSND huyện Thạch Thành;
- Công an huyện Thạch Thành;
- Chi cục THADS Thạch Thành;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Cúc